

**THÔNG TƯ**

**Quy định nội dung và mức chi thực hiện một số hoạt động của Chương trình  
“Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc  
Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”**

*Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Nghị định số 87/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Thực hiện Quyết định số 1446/QĐ-TTg ngày 30 tháng 8 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình “Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” (sau đây viết tắt là Quyết định số 1446/QĐ-TTg);*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính Hành chính sự nghiệp;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định nội dung và mức chi thực hiện một số hoạt động của Chương trình “Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư”.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Thông tư này quy định nội dung và mức chi thực hiện một số hoạt động của Chương trình “Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1446/QĐ-TTg (sau đây viết tắt là “Chương trình”). Thời gian thực hiện giai đoạn 2021-2025 theo quy định tại khoản 2 Mục II Quyết định số 1446/QĐ-TTg.

2. Thông tư này không áp dụng đối với các khoản tài trợ, viện trợ thuộc ngân sách nhà nước đã có hướng dẫn riêng của cấp có thẩm quyền về chế độ chi tiêu tài chính.

Trường hợp nhà tài trợ hoặc đại diện có thẩm quyền của nhà tài trợ và Bộ Tài chính chưa có thỏa thuận về nội dung, mức chi thì áp dụng theo nội dung, mức chi quy định tại Thông tư này.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Đối tượng áp dụng Thông tư này là các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên từ ngân sách nhà nước thực hiện các hoạt động theo nhiệm vụ được giao của Chương trình.

### **Điều 3. Nguồn kinh phí triển khai Chương trình**

1. Nguồn ngân sách trung ương bố trí trong dự toán chi ngân sách thường xuyên hàng năm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.
2. Nguồn thu sự nghiệp của cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập tham gia đào tạo của Chương trình.
3. Nguồn kinh phí của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập, doanh nghiệp. Các cơ sở giáo dục nghề nghiệp ngoài công lập, doanh nghiệp được áp dụng nội dung, mức chi quy định tại Thông tư này và tự đảm bảo kinh phí để thực hiện các hoạt động của Chương trình.
4. Kinh phí từ các quỹ hợp pháp theo quy định của pháp luật.
5. Kinh phí lồng ghép từ các chương trình, dự án khác được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các dự án hợp tác quốc tế, nguồn tài trợ, hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước.
6. Nguồn vốn hợp pháp khác.

### **Điều 4. Nội dung và mức chi thực hiện một số hoạt động của Chương trình.**

1. Chi khảo sát đánh giá thực trạng kỹ năng của người lao động tại các doanh nghiệp để xác định nhu cầu đào tạo, đào tạo lại và mô hình đào tạo phù hợp theo các lĩnh vực, ngành, nghề chịu tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư triển khai trong Chương trình; khảo sát, đánh giá năng lực, điều kiện của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp tham gia đào tạo, đào tạo lại trong Chương trình theo quy định của pháp luật: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia.

2. Chi nghiên cứu để vận dụng kinh nghiệm quốc tế về đào tạo các ngành, nghề đào tạo mới, kỹ năng nghề mới trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư triển khai trong Chương trình: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22 tháng 04 năm 2015 của Bộ Tài chính, Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN- BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Tài chính quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

3. Chi xây dựng chuẩn đầu ra ngành, nghề đào tạo mới và chỉnh sửa, bổ sung chuẩn đầu ra một số ngành, nghề cần bổ sung kiến thức, kỹ năng mới:

a) Trình độ cao đẳng, trung cấp: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 8 Điều 23 Thông tư số 15/2022/TT-BTC ngày 04 tháng 3 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương

trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (sau đây viết tắt là Thông tư số 15/2022/TT-BTC);

b) Trình độ sơ cấp: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 10 Điều 23 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

4. Chi xây dựng danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu và định mức kinh tế - kỹ thuật đối với ngành, nghề đào tạo mới; sửa đổi, bổ sung danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu và định mức kinh tế - kỹ thuật đối với phần đào tạo bổ sung những kiến thức, kỹ năng mới phục vụ triển khai chương trình đào tạo: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 16 Thông tư số 46/2022/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (sau đây viết tắt là Thông tư số 46/2022/TT-BTC).

5. Chi xây dựng chương trình đào tạo, đào tạo lại đáp ứng chuẩn đầu ra của nghề; xây dựng học liệu dùng chung cho các chương trình đào tạo: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Điều 22 và khoản 7 Điều 23 Thông tư số 15/2022/TT-BTC.

6. Chi thực hiện chuyển đổi số, xây dựng thư viện điện tử, hệ thống đào tạo trực tuyến tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tham gia đào tạo trong Chương trình: Thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; quy định tại khoản 9 Điều 23 Thông tư số 15/2022/TT-BTC; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông; quy định của pháp luật về đấu thầu và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

7. Chi nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp và người dạy trong doanh nghiệp:

a) Chi xây dựng chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp và người dạy trong doanh nghiệp tham gia Chương trình: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư số 15/2022/TT-BTC;

b) Chi tổ chức đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn và các kỹ năng cần thiết phục vụ đào tạo, đào tạo lại nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư cho đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp và người dạy trong doanh nghiệp tham gia Chương trình: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Thông tư số 46/2022/TT-BTC.

8. Chi tổ chức đào tạo, đào tạo lại cho các đối tượng thuộc Chương trình theo quy định tại khoản 1 Mục II và khoản 5 Mục III (Nhiệm vụ và giải pháp) Điều 1 Quyết định số 1446/QĐ-TTg và quyết định của cấp có thẩm quyền: Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản

phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên; quy định của pháp luật về giáo dục nghề nghiệp, về việc làm và quy định pháp luật có liên quan.

9. Chi xây dựng, vận hành công thông tin điện tử để quản lý, kết nối các thành phần tham gia Chương trình, phục vụ việc triển khai và quản lý, theo dõi Chương trình hiệu quả: Thực hiện theo quy định về quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan; các định mức kinh tế - kỹ thuật trong lĩnh vực thông tin và truyền thông; quy định của pháp luật về đấu thầu và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10. Chi kiểm tra, giám sát, đánh giá, tổng kết Chương trình: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 06/2007/TT-BTC ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập dự toán, quản lý, sử dụng kinh phí đảm bảo cho công tác kiểm tra việc thực hiện chính sách, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch và Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

11. Trường hợp các nhiệm vụ chi quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 6, khoản 7, khoản 8 và khoản 9 Điều 4 Thông tư này đã sử dụng từ nguồn kinh phí thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia Giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Chương trình mục tiêu quốc gia Xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 và các chương trình, dự án, đề án khác thì không được sử dụng và quyết toán kinh phí từ Chương trình này.

#### **Điều 5. Tổ chức thực hiện**

1. Hàng năm, cùng với thời gian lập dự toán thu, chi ngân sách nhà nước, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì tổng hợp nội dung và nhu cầu kinh phí chi thường xuyên hàng năm thực hiện Chương trình gửi Bộ Tài chính để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại điểm g khoản 1 Mục IV Quyết định số 1446/QĐ-TTg.

2. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành, địa phương và các cơ quan, đơn vị có liên quan khác để tổ chức thực hiện, kiểm tra, đánh giá, tổng kết thực hiện Chương trình (trong đó có việc quản lý, sử dụng kinh phí), báo cáo Thủ tướng Chính phủ theo quy định tại điểm h khoản 1 Mục IV Quyết định số 1446/QĐ-TTg; đồng gửi Bộ Tài chính để giám sát tình hình thực hiện quản lý, sử dụng kinh phí chi thường xuyên của Chương trình theo quy định tại điểm b khoản 4 Mục IV Quyết định số 1446/QĐ-TTg.

#### **Điều 6. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 11 năm 2022.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật trích dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản quy phạm pháp luật khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, giải quyết./y

**Nơi nhận:**

- Ban Bí thư TW Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng TW và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội, Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện KSND tối cao; TAND tối cao;
- Ủy ban Giám sát Tài chính QG;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở LĐTĐBXH, Sở TC, KBNN các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Công thông tin điện tử: Chính phủ, Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, HCSN (280b).*th*

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Võ Thành Hưng**